

Số: 4611 /QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 31 tháng 12 năm 2008

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị xã Hà Giang tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2007-2025.**

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2001/NĐ-CP ngày 05/01/2001 của Chính phủ Về phân loại đô thị và cấp quản lý đô thị;

Căn cứ Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07/04/2008 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 03/2008/QĐ-BXD ngày 31/03/2008 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng Ban hành quy định nội dung thể hiện bản vẽ, thuyết minh đối với nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ Xây dựng V/v ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 694/UBND-NVKT ngày 10/03/2007 và Văn bản số 1367/UBND-NVKT, ngày 11/05/2007 của UBND tỉnh Hà Giang V/v điều chỉnh quy hoạch chung và lập đề án xây dựng nâng cấp thị xã Hà Giang đạt đô thị loại III vào năm 2010;

Căn cứ Quyết định số 3046/UB-QĐ ngày 13/11/2002 của UBND tỉnh Hà Giang V/v phê duyệt quy hoạch chung điều chỉnh thị xã Hà Giang tỉnh Hà Giang;

Căn cứ Quyết định số 3437/QĐ-UBND ngày 09/11/2007 của UBND tỉnh Hà Giang V/v Phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị xã Hà Giang tỉnh Hà Giang giai đoạn 2007 - 2025;

Căn cứ Thông báo số 530/UBND-TH ngày 26/9/2008 của UBND tỉnh Hà Giang Thông báo kết luận của UBND tỉnh về việc điều chỉnh một số nội dung trong quy hoạch chung thị xã Hà Giang giai đoạn 2007 - 2025;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 17/10/2008 của Hội đồng thẩm định đồ án quy hoạch tỉnh Hà Giang V/v thẩm định đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thị xã Hà Giang giai đoạn 2007 - 2025;



Căn cứ Công văn số 2637/BXD-KTQH ngày 31/12/2008 của Bộ Xây dựng V/v góp ý kiến đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thị xã Hà Giang, tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2007-2025;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 137/BC-SXD, ngày 31/12/2008 của Sở Xây dựng tỉnh Hà Giang về kết quả thẩm định Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị xã Hà Giang, tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2007-2025.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thị xã Hà Giang, tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2007-2025 với các nội dung chủ yếu như sau:

**1. Tên đồ án:** Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị xã Hà Giang, tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2007-2025.

**2. Loại Quy hoạch:** Quy hoạch chung đô thị.

**3. Chủ đầu tư:** Ủy ban nhân dân thị xã Hà Giang.

**4. Nguồn vốn đầu tư:** Vốn ngân sách nhà nước.

**5. Địa điểm xây dựng:** Thị xã Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

**6. Quy mô, phạm vi nghiên cứu quy hoạch:**

**6.1 Phạm vi nghiên cứu**

Tổng diện tích đất tự nhiên toàn thị xã: 13.427,08 ha:

+ Đất nội thị: 2799,08 ha (đất xây dựng nội thị hiện trạng: 846,10ha)

+ Đất ngoại thị: 10.628,00 ha

- Trong đó, tập trung nghiên cứu khu vực nội thị với cơ cấu gồm 5 phường: Trần Phú, Nguyễn Trãi, Minh Khai, Quang Trung, Ngọc Hà và những khu vực dự kiến tập trung xây dựng mở rộng ở 3 xã ( xã Ngọc Đường, Phương Độ, Phương Thiện).

- Tổng diện tích đất trong phạm vi nghiên cứu quy hoạch: 1.609ha.

**6.2 Ranh giới quy hoạch xây dựng đô thị.**

\* Vị trí địa lý:

+ Phía Bắc giáp: Xã Phong Quang, Thuận Hoà, Tùng Bá huyện Vị Xuyên;

+ Phía Nam giáp: Xã Đạo Đức, Phú Linh, Kim Thạch huyện Vị Xuyên;

+ Phía Tây giáp: Xã Cao Bồ, Phương Tiến huyện Vị Xuyên;

+ Phía Đông giáp: Xã Yên Định huyện Bắc Mê.

**7. Tổ chức tư vấn lập quy hoạch:** Viện Kiến trúc, quy hoạch đô thị và nông thôn - Bộ Xây dựng.

**8. Lý do, sự cần thiết lập quy hoạch:**



Những năm gần đây thị xã Hà Giang có tốc độ đô thị hoá nhanh, nhiều đồ án quy hoạch chi tiết được lập, các dự án đầu tư triển khai xây dựng các khu chức năng, công trình hạ tầng kỹ thuật đã hình thành. Địa giới hành chính thị xã được điều chỉnh theo Nghị định số 64/2006/NĐ - CP ngày 23/6/2006 của Chính phủ các xã Kim Linh, Kim Thạch, Phú Linh tách ra chuyển về huyện Vị Xuyên, sát nhập thêm 02 xã Phương Độ, Phương Thiện vào thị xã. Dân số các phường nội thị có nhiều biến động, hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị...phát triển theo quy hoạch nhưng chưa đáp ứng được tốc độ phát triển chung của thị xã, đồ án quy hoạch cũ không còn phù hợp về quy mô đất đai, dân số, hướng mở rộng không gian đô thị; Định hướng xây dựng và phát triển thị xã Hà Giang đạt đô thị loại III vào năm 2010 theo Nghị quyết số 04/NQ-TU ngày 29/11/2004 của Ban Thường Vụ Tỉnh uỷ Hà Giang.

Chính vì vậy, để đáp ứng được các yêu cầu phát triển mới của đô thị, việc điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị xã Hà Giang với tầm nhìn đến năm 2025 và xa hơn nữa trở thành một yêu cầu cấp bách.

### **9. Mục tiêu, nhiệm vụ quy hoạch:**

+ Mục tiêu:

Cụ thể hoá chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang, thị xã Hà Giang theo hướng Công nghiệp hoá - hiện đại hoá. Làm cơ sở triển khai công tác đầu tư xây dựng, quản lý xây dựng đô thị. Định hướng phát triển, cải tạo, mở rộng không gian đô thị, cơ sở hạ tầng, tạo lập môi trường sống trước mắt và lâu dài trên cơ sở hướng tới sự phát triển bền vững.

+ Nhiệm vụ:

Điều tra hiện trạng tổng hợp, rà soát các đồ án, dự án có liên quan trên địa bàn, tình hình triển khai trong thực tiễn. Rà soát, đánh giá việc thực hiện xây dựng theo đồ án: " Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị xã Hà Giang đến năm 2020", phê duyệt năm 2002; xác định các tiền đề, động lực phát triển kinh tế; Dự báo dân số và nhu cầu đất xây dựng đô thị theo các giai đoạn khác nhau; xác định tính chất, chức năng, quy mô phát triển đô thị trên cơ sở tác động của mối quan hệ phát triển kinh tế vùng và khu vực; định hướng phát triển không gian đô thị và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đến năm 2015, 2025 phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và thị xã; quy hoạch sử dụng đất đai và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị đến năm 2015, 2025; xác định các dự án, khu vực ưu tiên đầu tư xây dựng.

### **10. Điều kiện tự nhiên và hiện trạng khu vực nghiên cứu:**

\*Vị trí địa lý:

Thị xã Hà Giang có toạ độ địa lý từ 22°45' đến 22°48' vĩ độ Bắc; từ 104°47' đến 105°03' kinh độ Đông.

\*Điều kiện tự nhiên, khí hậu:



+ Địa hình: Nằm trong vùng chuyển tiếp huyện núi đá vùng cao và các huyện núi đất vùng thấp, địa hình chia cắt phức tạp theo hướng nghiêng dần từ Bắc xuống Nam, từ Tây sang Đông, địa hình này có độ cao thay đổi từ 100 - 700 m. Địa hình thung lũng: Gồm các dải đất bằng, dốc thoải hoặc lượn sóng ven sông Lô, sông Miên.

+ Khí hậu: Thị xã Hà Giang nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa: Mùa mưa từ tháng 4 ÷ 10, mùa khô từ tháng 11 ÷ 3 năm sau; hướng gió chính là hướng Đông Nam; nhiệt độ TB năm: 22,7°C, cao nhất TB năm: 27,2°C, thấp nhất TB năm: 19,7°C; lượng mưa TB năm: 2.340 mm, lượng mưa ngày lớn nhất: 256,2 mm (24/5/1973); độ ẩm tương đối trung bình năm: 84%.

\*Hiện trạng hạ tầng, kinh tế, xã hội:

- Dân số và lao động:

+ Dân số: Dân số toàn Thị xã là: 47.354 người (năm 2007).

Tỷ lệ tăng dân số trung bình 3,17%, trong đó: Tăng tự nhiên 1,17%, tăng cơ học 2%. Mật độ dân số trong khu vực đạt 3.350 người/km<sup>2</sup>.

+ Lao động: Dân số trong tuổi lao động năm 2007 là: 28.719 người 22.539 người chiếm 60,6% tổng dân số. Số lao động làm việc trong các ngành kinh tế là: 19.586 người, chiếm 68,2% số lao động trong độ tuổi.

\*Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật:

+ Hiện trạng sử dụng đất: Tổng diện tích đất tự nhiên toàn thị xã: 13.427,08 ha (trong đó: Đất nội thị: 2799,08 ha; Đất ngoại thị: 10.628,00 ha). Diện tích đất XD đô thị: 846,1 ha, chỉ tiêu: 252,1m<sup>2</sup>/người; (Trong đó đất dân dụng: 562,3 ha, chỉ tiêu: 167,6 m<sup>2</sup>/người; Đất ngoài dân dụng: 283,8 ha, chỉ tiêu: 84,5 m<sup>2</sup>/người).

**Bảng tổng hợp hiện trạng sử dụng đất**

TT	Hạng mục đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu m <sup>2</sup> /người
I	Tổng diện tích đất tự nhiên toàn thị xã	13427,08		
II	Tổng diện tích đất tự nhiên khu vực nội thị	2799,08		
1	Đất xây dựng đô thị	846,1	100,0	252,1
2	Đất dân dụng	562,3	66,5	167,6
3	Đất ngoài khu dân dụng	283,8	33,5	84,50
4	Đất khác	1953,01		

\*Giao thông đối ngoại: Hệ thống đường giao thông đối ngoại qua thị xã Hà Giang bao gồm QL2 đi cửa khẩu thanh thủy; QL 4C đi qua Đồng Văn - Mèo Vạc;



QL 34 đi Bắc Mê - Cao bằng; QL2 đoạn đi qua Thị xã Hà Giang dài 12,5 km; QL 4C đoạn đi qua thị xã dài 7,8km; QL34 đoạn đi qua thị xã dài 5,3 km.

\* Giao thông đô thị: Mạng lưới đường có tính chất dải tuyến kết hợp ô cờ. Các tuyến Quốc lộ chạy qua thị xã đều đóng vai trò là các trục chính đô thị, lòng đường đã được mở rộng 15 m, mặt đường bê tông nhựa át phan. Hệ thống cầu trong đô thị: Có 04 cầu lớn là Yên Biên 1, Yên Biên 2, cầu Phong Quang trên sông Lô và cầu 3 - 2 trên sông Miện.

Tổng chiều dài mạng lưới đường chính thị xã: 67,945 km. Tổng diện tích đất giao thông: 196,27 ha. Tỷ lệ diện tích đất giao thông: 12,3 % (chỉ tính cho mạng lưới đường chính, không bao gồm đường ngõ xóm).

+ Hệ thống cấp điện: Nguồn điện gồm: lưới điện quốc gia 110 KV và 220 KV thông qua trạm biến áp 110/35/22/10 KV công suất 1x2MVA + 1x16MVA; Điện mua từ trung quốc qua lưới điện 220KV Thiên Bảo - Hà Giang, tiết diện dây AC - 185.

+ Hệ thống cấp nước:

Nguồn cấp nước: Nhà máy nước sông Miện có công suất 6.000 m<sup>3</sup>/ngđ xây dựng năm 2004, công suất 6000 m<sup>3</sup>/ngđ; Hệ thống nước mặt Phong Quang xây dựng năm 1960, công suất 150m<sup>3</sup>/ngđ là nguồn bổ xung nước cho thị xã vào mùa hè. Mạng lưới cấp nước: Thị xã Hà Giang có mạng lưới cấp nước tương đối hoàn chỉnh, ống cấp có đường kính từ D100 - D300mm, với tổng chiều dài 27.530 m. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch toàn thị xã là 5.542/8.227 hộ, chiếm tỷ lệ 67%. Tiêu chuẩn sử dụng nước hiện nay ước tính 110 lít/ng.ngđ.

+ Hệ thống thoát nước:

Thoát nước mặt: Hiện tại thị xã Hà Giang đã có hệ thống thoát nước chung tương đối hoàn chỉnh, tập trung ở các phường nội thị, với tổng chiều dài cống và mương xây là 23.000m, chiếm 33,83 % tổng các đường có cống. Chất lượng các tuyến cống còn tốt.

Thoát nước bản, vệ sinh môi trường: Thị xã Hà Giang hiện đang sử dụng hệ thống thoát chung, chảy theo hệ thống các mương nắp đan, rãnh và các kênh, đổ ra sông Lô và sông Miện. Hệ thống thoát nước chung hiện tại chỉ phục vụ cho các phường của thị xã. Các xã như: Phương Độ, Phương Thiện và Ngọc Đường chưa có hệ thống thoát nước, nước thải sinh hoạt chủ yếu là thoát tự nhiên, tự thấm thấu.

+ Hệ thống thông tin liên lạc: Toàn bộ khu vực thị xã nằm trong vùng phủ sóng của mạng viễn thông.

### 11. Tính chất và chức năng đô thị:

- Là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật, giáo dục đào tạo, trung tâm dịch vụ, thương mại, du lịch của tỉnh Hà Giang.



- Có vị trí, vai trò an ninh, quốc phòng quan trọng trong vùng biên giới Việt - Trung, có mối quan hệ giao thương với khu kinh tế cửa khẩu đặc thù Thanh Thủy và các đô thị trong vùng, là đầu mối giao thông quan trọng, giao lưu với các tỉnh vùng biên giới phía Bắc.

## 12. Nội dung định hướng quy hoạch, các chỉ tiêu kinh tế- kỹ thuật:

\* Nội dung quy hoạch:

Xây dựng thị xã Hà Giang trong tương lai trở thành đô thị dịch vụ du lịch, chất lượng cao, cơ sở hạ tầng tốt. Tạo cơ sở lập kế hoạch đầu tư xây dựng thị xã Hà Giang trở thành đô thị văn minh, hiện đại, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc.

\* Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật:

+ Chỉ tiêu sử dụng đất:

**Bảng chỉ tiêu các loại đất xây dựng đô thị**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	ĐT loại III
1	Đất xây dựng công trình công cộng cấp khu ở	m <sup>2</sup> /người	01,0 - 01,5
2	Chỉ tiêu đất dân dụng	m <sup>2</sup> /người	61,0 - 78,0
3	Đất xây dựng công trình công cộng cấp đô thị	m <sup>2</sup> /người	03,0 - 05,0
	<b>Tổng cộng:</b>	m <sup>2</sup> /người	74,0 - 84,5

+ Chỉ tiêu đất xây dựng đô thị; chỉ tiêu đạt 100 - 120m<sup>2</sup>/ người (tiêu chuẩn đô thị loại III). Quy mô đất đai xây dựng: Năm 2015: 800 - 840 ha; Năm 2025: 900 - 1.080 ha.

+ Chỉ tiêu cấp nước:

- Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt nội thị: Đến năm 2015: 120 l/ng.ngđ, tỷ lệ cấp nước 90%; Đến năm 2025: 150 l/ng.ngđ, tỷ lệ cấp nước 100%;

- Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt ngoại thị: Đến năm 2015: 80 l/ng.ngđ, tỷ lệ cấp nước 80%; Đến năm 2025: 100 l/ng.ngđ, tỷ lệ cấp nước 90%;

- Nước công trình công cộng: 10% Qsh; nước tưới cây, rửa đường: 10% Qsh; Nước công nghiệp: 25 m<sup>3</sup>/ha.ngđ; Nước rò rỉ: Đến năm 2015: 25%  $\Sigma$  Q, Đến năm 2025: 20%  $\Sigma$  Q; Nước bản thân nhà máy: 5%  $\Sigma$  Q

Nhu cầu cấp nước 2015: 11.000 - 12.000 m<sup>3</sup>/ngđ.

Nhu cầu cấp nước 2025: 20.000 m<sup>3</sup>/ngđ.

+ Tiêu chuẩn thoát nước:

- Thoát nước thải sinh hoạt lấy bằng 80% tiêu chuẩn cấp nước.

- Nước thải công cộng lấy bằng 15 - 20% khối lượng nước thải sinh hoạt.

- Nước thải công nghiệp lấy bằng 90% tiêu chuẩn cấp nước.



+ Tiêu chuẩn cấp điện:

TT	Danh mục phụ tải	Đợt đầu	Dài hạn
1	Sinh hoạt	300 w/người	500 w/người
2	Công cộng	35%	35%
3	Công nghiệp	120 kw/ha	150 kw/ha
4	Chiếu sáng	0,4-1,2 Cd/m <sup>2</sup>	0,4-1,2 Cd/m <sup>2</sup>

Tổng công suất đạt yêu cầu của thị xã Hà Giang là: Đợt đầu: 39.917 KVA (tương đương 40 MVA); Dài hạn: 74.296 KVA (tương đương 74,3 MVA).

**Quy hoạch xây dựng đợt đầu, giai đoạn 2007-2015:**

\* Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

+ San nền: Khối lượng đắp nền  $W1 = + 855.200m^3$ ; Tổng khối lượng đào nền là:  $W2 = - 1.762.500m^3$ .

+ Thoát nước mưa:

Khối lượng hệ thống cống thoát nước: Cống hộp loại từ 600 x 600 mm đến 1.600 x 1.600 mm, tổng chiều dài là: 34.784 m; Kè ổn định hai bờ sông Lô, sông Miện và hệ thống suối chính của thị xã có tổng chiều dài là: 67.465 m; Tường chắn các khu vực xây dựng ven núi có chiều dài là: 35.949 m; thông nạo vét toàn bộ các đoạn cống hiện có.

Khái toán kinh phí xây dựng: 157.794.000.000 đ

\* Quy hoạch giao thông:

+ Giao thông đối ngoại:

Cải tạo, nâng cấp QL4C, QL34, xây dựng mới tuyến đường tránh QL2 về phía Tây (đoạn từ Cầu Mè đến thôn Lúp, xã Phương Độ), xây dựng bến xe phía Nam thị xã tại vị trí ngã 3 Cầu Mè với đường tránh QL2, quy mô 2,4 ha.

+ Giao thông nội bộ:

Đường trục chính trung tâm đô thị mới, mặt cắt 41m; Đường liên khu vực: 24m-27m; Đường chính khu vực: 19,5m-22,5m; Đường khu vực: 13,5m - 16,5m; tổng chiều dài mạng lưới đường giao thông là 105.000 m (không bao gồm đường đối ngoại). Khái toán kinh phí xây dựng: 195.250.000.000 đồng.

+ Quy hoạch cấp nước:

Nguồn nước: Nguồn nước từ thủy điện trên suối Nậm Tha (xã Phương Độ), nước suối Cao Bồ (xã Phương Thiện).

Nhà máy nước: Nhà máy nước suối Nậm Tha công suất 4.000 m<sup>3</sup>/ngđ; Nhà máy nước trên suối Cao Bồ công suất 4.000 m<sup>3</sup>/ngđ. Các giếng khoan khai thác nước ngầm và trạm cấp nước UNICEF là các nguồn nước dự trữ.



Mạng lưới cấp nước: Mạng lưới cấp nước được thiết kế mạng vòng có đường kính D100mm - D300mm, với tổng chiều dài 55.000m. Tại khu vực phía Tây thị xã, xây dựng đài nước với độ cao đáy là 135m, dung tích đài  $W = 500m^3$ . Bơm tăng áp bơm nước trực tiếp lên đài với công suất  $Q = 200 m^3/ngđ$ ,  $H$  bơm = 40m. Khái toán kinh phí xây dựng: 45.732.000.000 đồng.

+ Quy hoạch cấp điện:

\* Nguồn điện:

Nâng cấp máy 110/22KV- 1 x 16MVA trạm 110KV Hà Giang hiện có bằng máy 110/22KV- 1 x 40MVA. Khi đó trạm khu vực Hà Giang có công suất 1 x 40 MVA + 1 X 25 MVA.

\* Lưới điện

Lưới 22 KV: Tiến hành cải tạo toàn bộ lưới 10KV hiện có thành 22 KV; Lưới hạ thế 0,4 KV; Trạm lưới 22/0,4 KV: Để đảm bảo cung cấp điện cho thị xã đến năm 2015 cần xây dựng thêm 10 trạm 22/0,4 KV và cải tạo nâng công suất 37 trạm cũ với tổng công suất 40 MVA. Các trạm 22/0,4 KV dùng trạm xây hoặc trạm treo đảm bảo mỹ quan đô thị. Trạm 22/0,4 kv có công suất 250 KVA đến 1000 KVA. Khái toán kinh phí xây dựng: 54.257.000.000 đồng.

\* Quy hoạch thoát nước bản và vệ sinh môi trường

Tổng khối lượng nước thải dự báo: 5.730  $m^3/ngđ$ , và CTR là: 52,3 tấn.

+ Quy hoạch hệ thống thoát nước thải:

Hệ thống thoát nước thải bao gồm: Các tuyến cống tròn thoát nước thải bằng BTCT; Trạm bơm nước thải xây chìm bằng BTCT; Trạm làm sạch nước thải: chủ yếu bằng BTCT.

Thị xã chia làm 4 lưu vực thoát nước chính:

- Lưu vực 1: Khu đô thị 3-2 Phường Ngọc Hà và một phần xã Ngọc Đường, xây dựng các trạm bơm: Trạm bơm số 5 công suất 600  $m^3/ngđ$ ; Trạm bơm số 6 công suất 350  $m^3/ngđ$ ; trạm bơm số 7 công suất 1000  $m^3/ngđ$ .

Toàn bộ nước thải sẽ bơm về hồ sinh học số 1, công suất 1000  $m^3/ngđ$ , diện tích 1,5 ha ở phía Đông phường Ngọc Hà.

- Lưu vực II: Gồm 3 phường: Trần Phú, Minh Khai và Nguyễn Trãi. Công suất các trạm bơm: Trạm bơm số 1: 1.200  $m^3/ngđ$ ; Trạm bơm số 2: 2.500  $m^3/ngđ$ ; Trạm bơm số 3: 1.300  $m^3/ngđ$ ; Trạm bơm số 4: 4.500  $m^3/ngđ$ . Trạm xử lý nước thải có công suất 4.500  $m^3/ngđ$  diện tích 2 ha, vị trí tổ 2 phường Minh Khai.

- Lưu vực số III: Bao gồm khu du lịch văn hoá bản làng thôn Tiến Thắng, khu đô thị mới Cầu Mè và khu trung tâm hành chính thị xã. Trạm bơm số 8: 1080  $m^3/ngđ$ ; Trạm bơm số 9: 1.300  $m^3/ngđ$ , bơm nước thải tới hồ sinh học số 2 công suất 2.380  $m^3/mgđ$  diện tích 2,7 ha. Trạm bơm số 10: 800  $m^3/ngđ$  sẽ bơm nước thải tới hồ sinh học số 3 công suất 800  $m^3/ngđ$ , diện tích 2,4 ha.



mới tại xã Ngọc Linh huyện Vị Xuyên, cách thị xã Hà Giang 22 km về phía Nam, có diện tích khoảng 8-10 ha, đảm bảo xử lý CTR đạt tiêu chuẩn môi trường.

+ Nghĩa Trang.

Thị xã đang sử dụng 3 nghĩa trang tập trung: Nghĩa trang Ngọc Đường, Nghĩa trang km 7 và nghĩa trang Cầu Phát, tổng diện tích khoảng 8 ha.

Dự kiến xây dựng nghĩa trang tập trung (cát táng) tại khu Ké Kiềm xã Phương Thiện diện tích khoảng 2 ha, nghĩa trang xã Phương Độ, diện tích khoảng 10 ha. Dự kiến nhu cầu đất nghĩa trang cho thị xã đến năm 2005 quy mô 75 vạn người, cần từ 4,5 đến 5 ha. Nhà tang lễ: Cải tạo, nâng cấp nhà tang lễ hiện có tại bệnh viện đa khoa tỉnh diện tích 500 m<sup>2</sup>:

Khái toán kinh phí xây dựng: 28.700.000.000 đồng.

### Tổng hợp kinh phí xây dựng giai đoạn năm 2007 - 2015

ĐVT: đồng

TT	Tên công việc	Kinh phí
1	Chuẩn bị kỹ thuật	157.794.000.000
2	Quy hoạch giao thông	195.250.000.000
3	Quy hoạch cấp nước	45.732.000.000
4	Quy hoạch cấp điện	54.257.000.000
5	Thoát nước bản VSMT	28.700.000.000
	Tổng cộng	<b>481.733.000.000</b>

(Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi một tỷ, bảy trăm ba mươi ba triệu đồng chẵn)

\* Đánh giá môi trường chiến lược:

Mục tiêu và nhiệm vụ lập báo cáo đánh giá tác động môi trường: Xác định các nguồn gây ô nhiễm môi trường. Dự báo diễn biến môi trường của đồ án: "Điều chỉnh quy hoạch chung thị xã Hà Giang", gồm môi trường nước, môi trường không khí, tiếng ồn... Đánh giá môi trường chiến lược gồm các giai đoạn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Lập ma trận tổng hợp đánh giá tác động môi trường của đồ án quy hoạch; lập bản đồ đánh giá tác động môi trường của đồ án quy hoạch xây dựng. Đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường bao gồm các giải pháp về quản lý, các giải pháp về kỹ thuật.

### 13. Thời gian, tiến độ triển khai quy hoạch:

- Lập và hoàn thành đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng từ tháng 10/2007 đến tháng 10/2008.

- Thực hiện quy hoạch từ tháng 1/2009 đến năm 2025.



**Điều 2.** Các sở quản lý chuyên ngành, UBND thị xã Hà Giang và các đơn vị có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với chủ đầu tư trong quá trình triển khai và quản lý thực hiện quy hoạch này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Xây dựng, Công thương, Kế hoạch & Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên & Môi trường, Giao thông vận tải, Khoa học & Công nghệ, Nông nghiệp & PTNT, Văn hoá - Thể thao và Du lịch, Bưu điện tỉnh, Chủ tịch UBND thị xã Hà Giang, Thủ Trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. UBND TỈNH HÀ GIANG**  
**Chủ Tịch**

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Nội vụ;
- Tỉnh ủy Hà Giang;
- HĐND tỉnh Hà Giang;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu VT, CVXD.



**Nguyễn Trường Tô**